

Vĩnh Thanh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1965, địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1935, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Lệ T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Lệ T có 06 người con chung, gồm: Chị Nguyễn Thị Lệ H1 - sinh năm: 1983, chị Nguyễn Thị Lệ H2 - sinh năm: 1987, chị Nguyễn Thị Minh T1 - sinh năm: 1989, chị Nguyễn Thị Hoài T2 - sinh năm: 1991, chị Nguyễn Thị Mỹ D - sinh năm: 1994 và anh Nguyễn Minh C - sinh năm: 2002. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường và có cuộc sống tự lập nên khi ly hôn, ông H và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Lệ T thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung:

- Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị Hồng L, và bà Nguyễn Thị M cùng thống nhất xác nhận: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà T có nợ chung bà L 01 cây vàng y, trị giá thời điểm hiện tại là 56.600.000 đồng và nợ chung bà M 05 chỉ vàng y, trị giá thời điểm hiện tại là 28.300.000 đồng;

- Nay khi ông H và bà T ly hôn, các bên (ông H, bà T, bà L và bà M) cùng tự nguyện thống nhất cách thức trả nợ như sau:

+ Đến ngày 31/5/2024, ông H và bà T mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà L 05 chỉ vàng y (Mượn vàng trả vàng);

+ Đến ngày 31/8/2025, ông H và bà T mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà M 2,5 chỉ vàng y (Mượn vàng trả vàng).

Ngoài ra, không ai có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H và bà T mỗi người chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông H và bà T mỗi người chịu 1.061.250 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng);

Nhưng cả ông H và bà T đều được miễn tiền án phí vì thuộc diện hộ cận nghèo năm 2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Bình Quang cũ, nay thuộc xã V, huyện V, tỉnh Bình Định)
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mai Đào